

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tên giao dịch tiếng Anh của Trường Đại học Điện lực, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức đoàn thể và các chức danh trong Trường Đại học Điện lực

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Thông tư 03/2009/TT-BNG ngày 09/7/2009 của Bộ Ngoại giao ban hành hướng dẫn dịch quốc hiệu, tên các cơ quan, đơn vị và chức danh lãnh đạo, cán bộ công chức trong hệ thống hành chính Nhà nước sang tiếng Anh để giao dịch đối ngoại;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tên giao dịch tiếng Anh của Trường Đại học Điện lực, các đơn vị thuộc và trực thuộc, các tổ chức chính trị, đoàn thể và các chức danh trong Trường Đại học Điện lực được quy định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tên giao dịch tiếng Anh tại Quyết định này được áp dụng đối với tất cả các tài liệu, văn bản giao dịch quốc tế, khẩu hiệu, biển hiệu, danh thiếp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các đơn vị, tổ chức trong Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- HĐT (để báo cáo);
- Các PHT (để th/h);
- Lưu: VT, QLKH&HTQT, AnLTQ(03).

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Châu

PHỤ LỤC

Tên giao dịch tiếng Anh của Trường Đại học Điện lực, các đơn vị thuộc và trực thuộc, các tổ chức chính trị, đoàn thể và các chức danh trong Trường Đại học Điện lực

(Kèm theo Quyết định số: 2043/QĐ-ĐHDL ngày 18 tháng 12 năm 2023)

1. Trường Đại học Điện lực

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Trường Đại học Điện lực	Electric Power University	EPU
2	<i>Địa chỉ:</i> Số 235 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Mã bưu chính: 11917	<i>Address:</i> No. 235 Hoang Quoc Viet Street, Co Nhue 1 Ward, Bac Tu Liem District, Hanoi City, Vietnam. Postcode: 11917	

2. Đảng ủy Trường

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Đảng ủy	Party Committee	
2	Văn phòng Đảng ủy	Office of Party Committee	
3	Bí thư Đảng ủy	Secretary of Party Committee	
4	Phó Bí thư Đảng ủy	Deputy Secretary of Party Committee	

3. Hội đồng Trường

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Hội đồng Trường	University Council	
2	Chủ tịch Hội đồng Trường	Chairman of University Council	
3	Phó chủ tịch Hội đồng Trường	Vice Chairman of University Council	
4	Thư ký Hội đồng Trường	Secretary of University Council	

4. Lãnh đạo Trường

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Hiệu trưởng	President	
2	Phó Hiệu trưởng	Vice President	

5. Các Hội đồng thuộc Trường

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Hội đồng Khoa học và Đào tạo	Council for Science and Training	
2	Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục	Council for Educational Quality Assurance	

6. Các Phòng chức năng

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Phòng Tổ chức Cán bộ	Department of Personnel and Organization	
2	Phòng Đào tạo	Department of Undergraduate Academic Affairs	
3	Phòng Đào tạo Sau đại học	Department of Graduate Academic Affairs	
4	Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế	Department of Research Management and International Cooperation	
5	Phòng Kế hoạch Tài chính	Department of Planning and Financial Management	
6	Phòng Hành chính Quản trị	Department of Administration and Facilities Management	
7	Phòng Quản lý đầu tư và Xây dựng cơ bản	Department of Investment and Construction Management	
8	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Department of Testing and Quality Assurance	
9	Phòng Công tác Sinh viên	Department of Student Affairs	
10	Phòng Thanh tra Pháp chế	Department of Inspection and Legislation	
11	Trưởng phòng	Head, + "name of department"	

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
	<i>Ví dụ: Trưởng phòng, Phòng Tổ chức cán bộ</i>	<i>E.g: Head, Department of Personnel and Organization</i>	
12	<i>Phó trưởng phòng</i> <i>Ví dụ: Phó trưởng phòng, Phòng Hành chính Quản trị</i>	<i>Deputy Head, + "name of department"</i> <i>E.g: Deputy Head, Department of Administration and Facilities Management</i>	

7. Các Khoa và Bộ môn

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Khoa Kỹ thuật điện	Faculty of Electrical Engineering	
1.1	Bộ môn Điện công nghiệp và Dân dụng	Department of Civil & Industrial Electricity	
1.2	Bộ môn Mạng và Hệ thống điện	Department of Electrical Networks	
1.3	Bộ môn Nhà máy điện và Trạm biến áp	Department of Power Plants & Substations	
1.4	Bộ môn Vận hành và Điều khiển Hệ thống điện	Department of Power Systems Operation & Control	
2	Khoa Điện tử Viễn thông	Faculty of Electronics and Telecommunications	
3	Khoa Công nghệ Thông tin	Faculty of Information Technology	
3.1	Bộ môn Công nghệ phần mềm	Department of Software Engineering	
3.2	Bộ môn Hệ thống Thương mại điện tử	Department of E-Commerce System	
3.3	Bộ môn Quản trị an ninh mạng	Department of Cyber Security	
4	Khoa Điều khiển và Tự động hóa	Faculty of Control and Automation	
5	Khoa Công nghệ Năng lượng	Faculty of Energy Technology	

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
5.1	Bộ môn Kỹ thuật Nhiệt	<i>Department of Thermal Engineering</i>	
5.2	Bộ môn Môi trường và Năng lượng tái tạo	<i>Department of Environment and Renewable Energy</i>	
6	Khoa Cơ khí và Động lực	Faculty of Mechanical and Power Engineering	
6.1	Bộ môn Cơ điện tử	<i>Department of Mechatronics</i>	
6.2	Bộ môn Chế tạo máy	<i>Department of Machine Design</i>	
7	Khoa Xây dựng	Faculty of Construction Engineering	
8	Khoa Quản lý công nghiệp và Năng lượng	Faculty of Industrial and Energy Management	
8.1	Bộ môn Quản lý năng lượng	<i>Department of Energy Management</i>	
8.2	Bộ môn Quản lý công nghiệp	<i>Department of Industrial Management</i>	
9	Khoa Kinh tế và Quản lý	Faculty of Economics and Management	
9.1	Bộ môn Quản trị Kinh doanh	<i>Department of Business Administration</i>	
9.2	Bộ môn Quản trị du lịch	<i>Department of Tourism Management</i>	
9.3	Bộ môn Tài chính-Kế toán	<i>Department of Finance and Accounting</i>	
10	Khoa Ngoại ngữ	Faculty of Foreign Languages	
10.1	Bộ môn Tiếng Anh	<i>Department of English</i>	
11	Khoa Khoa học tự nhiên	Faculty of Natural Sciences	
11.1	Bộ môn Toán	<i>Department of Mathematics</i>	
11.2	Bộ môn Tự nhiên	<i>Department of Natural Sciences</i>	

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
12	Bộ môn Giáo dục thể chất và Quốc phòng an ninh	Department of Physical Education and National Defense Security	
13	Bộ môn Khoa học Chính trị	Department of Political Science	
14	Trưởng khoa Ví dụ: Trưởng khoa, Khoa Kỹ thuật điện	Dean, + "name of faculty" E.g: Dean, Faculty of Electrical Engineering	
15	Phó trưởng khoa Ví dụ: Phó trưởng khoa, Khoa Kỹ thuật điện	Vice Dean, + "name of faculty" E.g: Vice Dean, Faculty of Electrical Engineering	
16	Trưởng bộ môn Ví dụ: Trưởng bộ môn, Bộ môn Điện công nghiệp và Dân dụng	Head, + "name of department" E.g: Head, Department of Civil & Industrial Electricity	
17	Phó trưởng bộ môn Ví dụ: Phó trưởng bộ môn, Bộ môn Quản trị Kinh doanh	Deputy Head, + "name of department" E.g. Deputy Head, Department of Business Administration	

8. Các Trung tâm

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	Center for Practice & Laboratory	
2	Trung tâm Đào tạo thường xuyên	Center for Continuing Training	
3	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao khoa học công nghệ	Center for Advanced Research and Technology Transfer	ART

4	Trung tâm Đào tạo nâng cao	Center for Advanced Training	ACT
5	Trung tâm Công nghệ thông tin	Center for Information Technology	
6	Trung tâm Học liệu	Center for Academic Resources	
7	Trung tâm Dịch vụ đời sống	Center for Logistics Services	
8	Trung tâm Dịch vụ cơ sở 2	Center for Services - Campus 2	
9	Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp	Center for Employment and Start-up Supporting	
10	<i>Giám đốc</i> <i>Ví dụ: Giám đốc, Trung tâm Đào tạo thường xuyên</i>	<i>Director, + "name of center"</i> <i>E.g: Director, Center for Continuing Training</i>	
11	<i>Phó Giám đốc</i> <i>Ví dụ: Phó Giám đốc, Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp</i>	<i>Deputy Director, + "name of center"</i> <i>E.g: Deputy Director, Center for Employment and Start-up Supporting</i>	

9. Tạp chí Khoa học và Công nghệ năng lượng

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Tạp chí Khoa học và Công nghệ năng lượng, Trường Đại học Điện lực	EPU Journal of Science and Technology for Energy	EPU-JST
2	<i>Tổng Biên tập</i>	<i>Editor-in-chief</i>	
3	<i>Phó Tổng biên tập</i>	<i>Deputy Editor-in-chief</i>	
4	<i>Thư ký Tòa soạn</i>	<i>Editorial Secretary</i>	

10. Các tổ chức đoàn thể

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
1	Công đoàn Trường	Labor Union	

STT	Tên tiếng Việt	Tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh)	Viết tắt (nếu có)
2	Văn phòng Công đoàn	Office of Labor Union	
3	Đoàn thanh niên	Youth Union	
4	Văn phòng Đoàn Thanh niên	Office of Youth Union	
5	<i>Chủ tịch Công đoàn Trường</i>	<i>Chairman of Labor Union</i>	
6	<i>Phó Chủ tịch Công đoàn Trường</i>	<i>Vice Chairman of Labor Union</i>	
7	<i>Bí thư Đoàn thanh niên</i>	<i>Secretary of Youth Union</i>	
8	<i>Phó Bí thư Đoàn thanh niên</i>	<i>Deputy Secretary of Youth Union</i>	

Q. HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Châu

TRƯỜNG